

Số: /KH-UBND

Bạch Thông, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Bạch Thông năm 2023**

Thực hiện Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Bạch Thông về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình MTQG phù hợp với lợi thế, tiềm năng hiện có ở các xã, các thôn đặc biệt khó khăn. Phần đầu đưa các xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn, giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số với khu vực khác, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống của người dân; tạo điều kiện cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin...

2. Yêu cầu

Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ của Chương trình, có các giải pháp cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị đảm bảo cho việc chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc; công khai, minh bạch các nguồn lực hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đối tượng thực hiện:

a, Xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

b, Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số (viết tắt là DTTS).

c, Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

d, Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

(Phạm vi, đối tượng, nội dung cụ thể của các dự án, tiểu dự án, nội dung chương trình quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan).

III. MỤC TIÊU

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS 3,5% trở lên.

- Phân đầu 01 xã và 02 thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Đối với chỉ tiêu thực hiện từng dự án cụ thể: Các cơ quan, đơn vị, địa phương - đơn vị chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình, căn cứ chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1.1. Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở

Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể:

- Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương thực hiện thủ tục giao đất ở cho hộ, trường hợp cần khai hoang, tạo mặt bằng thì địa phương sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để san gạt, tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật và giao đất ở cho hộ theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép hoặc các hộ tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

1.2. Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở

Hỗ trợ xây dựng nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

1.3. Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

Hộ gia đình thuộc đối tượng theo quy định của nội dung Dự án được hưởng một trong hai chính sách sau:

- Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

1.4. Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm vật dụng chứa nước sinh hoạt hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Hỗ trợ đầu tư bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và những nơi cần thiết, vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai trên địa bàn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN tại các huyện, cụ thể:

- Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất; xây dựng đường giao thông; công trình thủy lợi nhỏ, điện, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

- Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình: Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở); hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; thực hiện các chính sách hỗ trợ khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ;

- Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất); xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, các công trình thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.
- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.
- Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ.
- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan.
- Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào DTTS tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

3.2.1. Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân huyện lựa chọn hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia, tập trung hỗ trợ một số nội dung sau:

+ Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

+ Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật.

+ Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

+ Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

+ Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

- Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung sau:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón,

thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

+ Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

3.2.2. Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

- Địa bàn nơi triển khai dự án, căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

- Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ; chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

- Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người DTTS.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

*** Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN**

a) Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn

- Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ và các công trình hạ tầng qui mô nhỏ khác, ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn.

- Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã).

- Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện)... góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

b) Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN.

Đầu tư xây mới hoặc nâng cấp, cải tạo đối với các chợ trong quy hoạch thuộc vùng đồng bào DTTS&MN. Ưu tiên các chợ đang hoạt động (thuộc các xã đặc biệt khó khăn) nhưng cơ sở vật chất xuống cấp, quá tải cần đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới, không có khả năng kêu gọi xã hội hóa để đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa của bà con vùng đồng bào DTTS&MN.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú.

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên.

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác.

+ Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyên đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS.

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú:

+ Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú.

+ Biên soạn, cấp phát miễn phí tài liệu, học liệu cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú.

+ Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú về các nội dung quản lý và giáo dục đặc thù.

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS:

+ Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ, thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ.

+ Bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền.

+ Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ.

+ Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

+ Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, 4 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025” (viết tắt là Quyết định số 771/QĐ-TTg).

+ Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, 4 ở cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 771/QĐ-TTg.

- Nội dung 2: Đào tạo đại học và sau đại học:

+ Cử sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học tham gia đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng DTTS&MN, tập trung lựa chọn học sinh thuộc nhóm DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1227/QĐ-TTg). Trong đó, ưu tiên học sinh dân tộc thiểu số thuộc các xã khu vực III theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu

vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; học sinh DTTS thuộc các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

+ Cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ tham gia đào tạo trình độ sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc.

5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN

- Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện thực tế và tập quán của đồng bào dân tộc gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

- Hỗ trợ đào tạo nghề; hỗ trợ người lao động là người DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chuẩn hóa kỹ năng lao động, kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

- Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án.

5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương.

- Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng.

- Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu tại các địa phương để khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

- Xây dựng chính sách và hỗ trợ Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một; hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống; xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu; xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống cấp phát cho cộng đồng các DTTS.

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các DTTS, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các DTTS); xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư.

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống; hoạt động thi đấu thể thao truyền thống nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, trò chơi dân gian của các DTTS.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho vùng đồng bào DTTS; hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS.

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

7.1. Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS

- Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện.

- Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn.

- Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã.

- Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã.

- Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản.

- Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

7.2. Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS

- Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS.

- Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh.

- Ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS; nâng cao năng lực quản lý dân số.

- Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào DTTS.

7.3. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS

- Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ, trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS; chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em.

- Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

8.1. Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em

- Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng; thực hiện chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.

- Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em.

- Tập trung công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ DTTS khi mang thai đến cơ sở y tế khám, tư vấn và đến sinh con tại cơ sở y tế hoặc sinh đẻ tại nhà có sự trợ

giúp của nhân viên y tế nhằm đảm bảo sinh đẻ an toàn, lồng ghép tuyên truyền, mục đích, ý nghĩa của gói hỗ trợ trong các chiến dịch truyền thông tại cơ sở và các buổi sinh hoạt tại chi, tổ Hội phụ nữ.

8.2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

- Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội thu nhập và lồng ghép giới.

- Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS.

- Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình; mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

8.3. Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị

- Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương; đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ “thủ lĩnh của sự thay đổi”.

- Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình.

8.4. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng

- Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới;
- Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới;
- Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp;
- Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn

9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS

9.2.1. Nội dung 01: Truyền thông nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ

a) Truyền thông nâng cao nhận thức:

- Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình: Biên soạn tài liệu

tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, gia đình, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN; tài liệu hỏi - đáp về hôn nhân, về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tờ rơi, tờ gấp, pano, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu tuyên truyền pháp luật về hôn nhân, dân số và gia đình; biên soạn sổ tay, tài liệu cung cấp thông tin, kiến thức về hôn nhân và gia đình; sức khỏe sinh sản.

- Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật, về hôn nhân, về kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

b) Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật:

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương.

- Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tuyên truyền và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu, thăm quan, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại trung ương, địa phương.

9.2.2. Nội dung 02: Công tác tư vấn, can thiệp tòng ghép

9.2.3. Nội dung 03: Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao

9.2.4. Nội dung 04: Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1 Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS

a) Nội dung số 01: *Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín*

- Thực hiện xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

- Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

- Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS; tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến.

- Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào DTTS.

- Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS.

b) Nội dung số 02: *Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS*

- Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng DTTS), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác)...

- Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tuyên truyền, truyền thông, vận động nhân dân vùng đồng bào DTTS tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2030.

c) Nội dung số 3: *Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN*

Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào DTTS; tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý, tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người DTTS; xây dựng các chương trình, chuyên đề trợ giúp pháp lý, điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS; biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung số 01: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030.

- Nội dung số 02: Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự.

- Nội dung số 03: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN.

10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

- Tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình; nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương.

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, tập huấn...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Chương trình được giao tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023.

- Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội của Trung ương và địa phương.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, đặc biệt là người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc, các chương trình, chính sách triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp làm tốt công tác tuyên truyền để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân nhận thức rõ Chương trình là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng xã hội. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các chủ thể trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

2. Tập trung huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực Chương trình; Ưu tiên đầu tư đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn

- Huy động các nguồn lực, khai thác tối đa, tiềm năng, lợi thế vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thành phần thuộc Chương trình;

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được phân bổ theo đúng mục tiêu của Chương trình, lồng ghép với các nguồn vốn khác để thực hiện mục tiêu Chương trình; công khai, minh bạch các nguồn vốn, thực hiện theo thứ tự ưu tiên, không dàn trải.

3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung, tiêu dự án, dự án. Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, sắp xếp, di dời, bố trí ổn định dân cư ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở; nâng cao hiệu quả, chất lượng đầu tư các chương trình, dự án; mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh;

- Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát huy thế mạnh của từng địa phương, phù hợp với văn hóa, tập quán từng dân tộc. Từng bước hình thành, phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao; đẩy mạnh khoa học - công nghệ và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; thực hiện tốt chính sách, định mức khoán bảo vệ rừng, tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào;

- Ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống, đảm bảo phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư gắn với phát triển sản xuất, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, việc làm, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và các dịch vụ xã hội khác cho đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, cận nghèo.

4. Chú trọng phát triển đồng bộ trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo. Chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Giữ vững và phát huy thành quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng và tăng cường cơ sở vật chất hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú;

- Quan tâm, thực hiện chính sách giải quyết việc làm đối với thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; chú trọng đào tạo nguồn lực tri thức trẻ, doanh nghiệp trẻ. Đổi mới giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đầu ra, tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Đầu tư, xây mới, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho các trạm y tế. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập, nhất là tuyến y tế cơ sở. Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, phổ cập tiếp cận chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng ngay tại địa phương. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số thông qua bảo hiểm y tế và các hình thức hỗ trợ trực tiếp khác cho đối tượng thụ hưởng; chú trọng đầu tư phát triển mạng lưới y tế dự phòng, đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư y tế, nhân lực và các điều kiện thiết yếu đáp ứng với các tình huống khẩn cấp trong công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là những loại dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; triển khai có hiệu quả chương trình Y tế - Dân số, nhất là hoạt động tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em; nâng cao chất lượng dân số, nâng cao tuổi thọ trung và tầm vóc người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tiếp tục xây dựng, bổ sung đội ngũ nhân viên y tế đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về y đức và chất lượng chuyên môn để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; có cơ chế hỗ trợ, ưu tiên đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu là người dân tộc thiểu số ở địa phương, đồng thời có chính sách khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở;

- Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở thôn, xã đặc biệt khó khăn. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế

văn hóa cơ sở; quan tâm tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số. Quan tâm đầu tư phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm giá trị văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, dần xóa bỏ các tập tục lạc hậu. Triển khai các giải pháp góp phần giảm thiểu, xóa bỏ tình trạng tảo hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân cận huyết thống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Nâng cao năng lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện Chương trình các cấp.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chủ động chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đồng thời phát hiện, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến việc thực hiện Chương trình.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chương trình. Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo theo định kỳ.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND&UBND huyện

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch;

- Chủ trì hướng dẫn thực hiện dự án 1. Tổ chức triển khai thực hiện tiểu dự án 4 thuộc dự án 5; tiểu dự án 2 thuộc dự án 9; tiểu dự án 1, 3 thuộc dự án 10;

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan xây dựng và tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng hạ tầng, là cơ quan tổng hợp mưu thực hiện giám sát đầu tư xây dựng, thực hiện các báo cáo giám sát đầu tư xây dựng, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao hướng dẫn các đơn vị về đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư đảm bảo phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư đảm bảo phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư đảm bảo phù hợp và tuân thủ quy định của pháp về đầu tư xây dựng.

3. Phòng Tài chính - KH huyện

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm

theo quy định; tham mưu phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp được tỉnh giao để thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021- 2025 và năm 2023.

- Hướng dẫn về cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình. Đồng thời, tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định hiện hành.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung tiểu dự án 1 thuộc dự án 5;

5. Phòng Nội vụ huyện: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện nội dung 1 (Bồi dưỡng kiến thức dân tộc) Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 5; Phối hợp với sở ngành liên quan triển khai thực hiện Nội dung 2 (Đào tạo đại học và sau đại học), Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 5 khi có yêu cầu.

6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung tiểu dự án 3 thuộc dự án 5.

7. Phòng Văn hóa - TT huyện: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung thuộc dự án 6; tiểu dự án 2 của Dự án 10.

8. Trung tâm Y tế huyện: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung thuộc Dự án 7; tiểu dự án 1 dự án 4.

9. Ủy ban MTTQVN huyện: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung giám sát thực hiện chương trình thuộc tiểu dự án 3 của dự án 10.

10. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung thuộc dự án 8.

11. Hạt Kiểm lâm Bạch Thông: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung thuộc tiểu dự án 1 của Dự án 3.

12. Trung tâm Văn hóa Thể thao & Truyền thông

Có trách nhiệm tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa về công tác dân tộc, chính sách cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả trong đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền về kết quả hoạt động giảm nghèo, thông qua đó nâng cao trách nhiệm về công tác giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số và cho toàn xã hội.

13. Các phòng, ban, ngành liên quan: Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý; nghiên cứu, lồng ghép nhiệm vụ của đơn vị với các hoạt động của Chương trình đảm bảo phù hợp, hiệu quả, không chồng chéo, góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

14. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

- Tổ chức thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện tại địa phương theo quy định; phối hợp tổ chức vận động các nguồn vốn xã hội hóa cho Chương trình.

- Tuyên truyền nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

15. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn theo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu;

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm cho công chức đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp, tăng cường trách nhiệm cho cơ sở.

- Thực hiện quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần được giao chủ trì, báo cáo kết quả thực hiện và khó khăn vướng mắc về UBND huyện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐ Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- UBMTTQ huyện và các đoàn thể chính trị;
- Thành viên BCĐ CTMTQG huyện;
- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT, THDT (Thêm, Toán).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hà Kim Oanh